

SỐ 1819

## VÔ LƯỢNG THỌ KINH ƯU-BA-ĐỀ-XÁ NGUYỄN SINH KỆ

*- Bồ-tát Bà-tửu-bàn-đầu soạn và chú thích*

*- Đời Ngụy chùa Vĩnh Ninh,*

*Sa-môn Bồ-đề-lưu-chi người Bắc Thiên Trúc dịch.*

*- Đời ngụy, chùa Huyền Trung trong hang*

*Thạch Bích Tỉnh Tây Hà, Sa-môn Đàm Loan chú giải.*

### QUYỂN THƯỢNG

Xét kỹ luận “Thập Trụ Tỳ-bà-sa” của Bồ-tát Long Thọ có chép:  
Bồ-tát tìm cầu A-tỳ-bạt-trí có hai thứ đạo:

- Đạo khó hành.

- Đạo dễ hành.

1. Đạo khó hành: Trong cõi đời đầy năm thứ vẫn đục, vào thời không có Phật mà tìm cầu chánh định thì rất khó. Cái khó này có nhiều đường, mà dùng dăm ba lời thô thiển để chỉ bày ý nghĩa:

1. Tướng thiện của ngoại đạo làm loạn pháp Bồ-tát.

2. Các Thanh Văn vì tự lợi mà ngăn che lòng từ bi lớn.

3. Những bọn xấu ác vô lại phá hoại đức tốt của người.

4. Làm điên đảo quả lành, làm phá hoại phạm hạnh.

5. Chỉ nương vào sức mình mà không nhờ sức người

Những việc như thế ở đâu cũng thấy thì như đi đường bộ thì rất vất vả.

2. Đạo dễ hành: Tức là chỉ do nhân duyên tin Phật nguyện sinh về Tịnh độ, nương vào nguyện lực của Phật thì sẽ được vãng sinh về cõi thanh tịnh ấy, nhờ an trú vào Phật lực liền được nhập vào nhóm Đại

thừa chánh định của

- Chánh định tức là A-tỳ-bạt-trí. Ví như đi thuyền dưới nước, thì an vui. Kinh Vô Lượng Thọ Ưu-ba-đề-xá này bao gồm hết mọi nẻo cao thấp rộng hẹp, như người đi thuyền lướt gió mà không bị lui sụt.

Vô Lượng Thọ là tên khác của Đức Như Lai ở cõi Tịnh An Lạc. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni ngụ trong thành Vương xá và nước Xá-vệ, ở trong đại chúng nói về công đức trang nghiêm của Đức Phật Vô Lượng Thọ, lấy danh hiệu của Đức Phật ấy làm thể của Kinh. Bậc Thánh sau này là Bồ-tát Bà-tầu-bàn-đậu hết sức khâm phục lời dạy của Đức Như Lai Đại Bi.

Dựa vào kinh để soạn bài kệ nguyện sinh, lại dùng lối văn xuôi nhằm giải thích lần nữa. Tiếng Phạm Ưu-ba-đề-xá ở trung quốc không có từ ngữ tương đương để dịch, nếu chỉ nêu ra một phần của ý nghĩa thì dịch là Luận. Sở dĩ không có từ ngữ tương đương để dịch là vì ở trung quốc vốn không có Phật. Như sách ở trung quốc do Đức Khổng Tử soạn thì gọi là kinh, đệ tử soạn thì đều gọi là Tử. Lịch sử, kỷ cương của đất nước thì mỗi nơi có thể lệ khác nhau. thuyết giảng nói trong mười hai bộ kinh, có kinh mang tính chất nghị luận gọi là Ưu-ba-đề-xá. Nếu các đệ tử Phật hiểu rõ lời dạy trong kinh ấy, tương hợp với nghĩa lý của Phật đã dạy thì Đức Phật cũng chấp thuận, gọi là Ưu-ba-đề-xá, xếp vào pháp tướng của Phật.

Ở đây gọi là Luận, chính là nghị luận mà thôi, đâu thể dịch đúng tên gọi này?

Lại như người nữ, đối với con cái thì gọi là mẹ, đối với anh gọi là em. Cũng thế v.v...những việc khác cũng đều tùy theo nghĩa mà có khác nhau. Như chỉ lấy tên người nữ mà luận bàn phiếm về mẹ và em vẫn không làm mất đi đại thể của người nữ, nên có thể bao gồm hết ý nghĩa cao thấp chăng? Những điều gọi là luận cũng lại như vậy. Bởi do vẫn còn giữ nguyên âm tiếng Phạm nên gọi là Ưu-ba-đề-xá.

Luận này trước sau gồm có hai lớp:

- Một là phần nói chung.
- Hai là phần giải nghĩa.

1. Phần nói chung: Bao gồm hết bài kệ mỗi câu năm chữ ở phần trước.

2. Phần giải nghĩa: Từ luận rằng v.v...trở xuống là văn xuôi cho đến hết. Sở dĩ gọi là hai lớp, vì có hai nghĩa:

- Kệ dùng để tụng kinh là gom nhiếp chung.
- Luận để giải thích kệ là giải nghĩa

Vô Lượng Thọ: Chỉ cho Đức Như Lai Vô Lượng Thọ, tức tuổi thọ lâu dài không thể suy nghĩ bàn luận luận.

Kinh: là thường. Nói cõi nước An Lạc, Phật và Bồ-tát đều có công đức trang nghiêm thanh tịnh. Cõi nước có công đức trang nghiêm thanh tịnh thì có thể làm lợi ích lớn cho chúng sinh thường được lưu hành ở đời, nên gọi là Kinh.

- Ưu-ba-đề-xá là tên bộ kinh mang tính Nghị luận của Phật.

- Nguyện là nghĩa ưa thích mong muốn.

- Sinh: Bồ-tát Thiên Thân nguyện sinh về cõi tịnh An Lạc ấy, được sinh trong hoa báu thanh tịnh của Đức Như Lai, nên gọi là nguyện sinh.

- Kệ: Là nghĩa về số câu, dùng câu năm chữ để lược tụng kinh Phật nên gọi là kệ.

- Bà tẩu dịch là Thiên, Bàn đầu dịch là Thân. Vị này tự là Thiên Thân. Việc này trong kinh Phó Pháp Tạng có nói.

- Bồ-tát: Nếu giữ đủ nguyên âm tiếng Phạm phải nói là Bồ Đề Tát Đỏa. Bồ Đề là tên của Đạo Phật. Tát đỏa Hán dịch là chúng sinh, hoặc dịch là Dũng Kiện. Các chúng sinh nào cầu Phật đạo, có ý chí mạnh mẽ vững chắc thì gọi là Bồ Đề Tát Đỏa.

Nay chỉ nói Bồ-tát là do người dịch lược bớt. Chữ Tạo cũng gọi là Tác, bởi người soạn pháp nên gọi là người ấy tạo. cho nên nói: “Vô Lượng Thọ kinh Ưu-ba-đề-xá nguyện sinh kệ, Bà-tẩu-bàn-đầu Bồ-tát Tạo”. (Bài kệ nguyện sinh của kinh Vô Lượng Thọ Ưu-ba-đề-xá do. Bồ-tát Bà-tẩu-bàn-đầu soạn).

Giải thích danh mục của Luận đã xong.

Trong bài kệ chia làm năm niệm môn, sau đây dùng văn xuôi để giải thích.

Bài thứ nhất là bốn câu kệ, gồm có Ba niệm môn. Ba câu trên thuộc về môn Lễ bái tán thán. Một câu sau là thuộc về môn phát nguyện,

Bài thứ hai là Luận chủ tự nói con ồn nường vào kinh Phật mà soạn luận, tương ứng với lời Phật dạy, đã có tông chỉ, vì sao Luận này thành tên Ưu-ba-đề-xá. Cũng là thành ba môn trên, khởi hai môn dưới, như thế là theo thứ lớp nói.

Từ bài thứ ba cho đến hết bài thứ hai mươi là thuộc về môn quán sát. Một bài sau cùng thuộc về

Môn hồi hướng. Phân chia kệ chương môn đã xong.

*Thế Tôn! con một lòng*

*Quy mạng khắp mười phương*

*Như Lai Vô Ngại Quang  
Nguyện sinh cõi An Lạc.*

Thế Tôn là hiệu chung của Chư Phật. Nói về Trí thì nghĩa chẳng có chỗ nào không thông đạt. Nói về sự dứt trừ thì thói quen đều dứt sạch. Trí, đoạn đầy đủ thì làm được lợi ích cho thế gian, là bậc đáng tôn trọng ở đời, nên gọi là Thế tôn. Ở đây ý nói là trở về với Đức Thích-ca Như lai. Vì sao biết được?

Vì câu sau nói: “Con nương Tu-đa-la”, Bồ-tát Thiên Thân ra đời vào thời tượng pháp của Đức Thích-ca Như lai thuận theo lời dạy trong kinh của Ngài, cho nên nguyện sinh.

Nguyện sinh có tông chỉ, cho nên biết câu nói này là trở về với Đức Thích-ca. Nếu cho rằng ý này chỉ cho khắp cả Chư Phật thì cũng không ngại gì. Bồ-tát trở về với Phật cũng như người con hiếu thảo trở về với cha mẹ; như tôi trung trở về với Vua chúa. Động tĩnh chẳng phải mình, nổi chìm phải có lý do. Biết ân báo đức, lý nên nêu bày trước.

Lại, Sở nguyện không xem thường, nếu Đức Như lai không gia thêm sức thần uy nghiêm thì lấy gì thông đạt? Cho nên Bồ-tát cầu xin thêm năng lực oai thần, vì vậy mà nói là kính bạch.

- Con một lòng: Bồ-tát Thiên Thân là lời là tự bạch của ý nói như nghĩ Đức Như lai Vô Ngại Quang, nguyện sinh về cõi An Lạc, tâm niệm nói nhau không có ý tưởng nào khác xen vào.

- Hỏi: Trong Pháp Phật nói vô ngã, trong luận này vì sao nói Ngã?

- Đáp: Nói Ngã, có ba thứ căn bản:

1. Lời tà kiến;
2. Lời tự đại;
3. Lời thông thường.

Nay nói Ngã là do Bồ-tát Thiên Thân tự chỉ mình nên dùng lời nói thông thường, chứ chẳng phải lời nói tà kiến, tự đại.

- Quy mạng tận mười phương Vô Ngại Quang Như Lai:

- Quy mạng thuộc về môn lễ bái.

- Tận thập phương Vô Ngại Quang Như lai thuộc về môn khen ngợi.

Làm sao biết quy mạng là Lễ bái? Bồ-tát Long Thọ soạn trong “A di đà Như lai tán” do hoặc nói là khể thủ lễ, hoặc nói là Ngã quy mạng, hoặc nói là quy mạng lễ.

Trong luận, văn xuôi của này cũng nói là tu môn năm niệm. Trong môn năm niệm thì lễ bái là thứ nhất. Bồ-tát Thiên Thân đã nguyện

vãng sinh, đâu không lễ bái?

Cho nên biết quy mạng tức là lễ bái. Nhưng lễ bái chỉ là cung kính, không cần quy mạng, còn quy mạng thì phải lễ bái. Nếu xét kỹ việc này thì quy mạng là quan trọng. Kệ trình bày về tâm nguyện của mình nên nói là quy mạng. Luận giải về nghĩa bài kệ. Bàn rộng thích lễ bái, kia đây thành nhau đối với nghĩa càng bày rõ.

- Vì sao biết khắp mười phương Vô Ngại Quang Như lai thuộc về môn tán thán?

Trong văn xuôi ở dưới có nói.

- Thế nào là môn tán thán?

Nghĩa là xưng niệm danh hiệu A-di-đà Như lai, Đức Như Lai đó trí tướng sáng chói đúng như danh nghĩa. Vì muốn tu hành tương ứng như thật theo kinh Vô Lượng Thọ do phật giảng nói ở nước xá vệ thì, phật giải thích danh hiệu A-di-đà Như lai.

Vì sao hiệu là A-di-đà?

Vì Đức Phật ấy có ánh sáng vô lượng chiếu khắp tất cả các cõi nước ở mười phương, không hề chướng ngại, nên hiệu là A-di-đà. Lại, Đức Phật và dân chúng trong nước ấy có tuổi thọ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, nên hiệu là A-di-đà.

- Hỏi: Nếu nói Đức Vô Ngại Quang Như lai có ánh sáng vô lượng chiếu khắp mười phương cõi nước không hề bị chướng ngại, thế thì chúng sinh ở thế gian này vì sao không được ánh sáng đó soi chiếu? Ánh sáng còn có chỗ không chiếu, thì đâu chẳng phải là có chỗ bị ngăn ngại ư?

- Đáp: Ngại là thuộc về chúng sinh chứ chẳng phải ánh sáng bị ngăn ngại.

Ví như ánh sáng mặt trời chiếu soi cả bốn châu trong thiên hạ, nhưng người mù thì không thấy được, chứ chẳng phải do ánh sáng mặt trời không chiếu khắp. Cũng như từ đám mây dày đặc kia, tuôn mưa xuống mà hòn đá vô tri không thấm được thì đó là do đá, chứ chẳng phải mưa không thấm ướt.

Như nói một Đức Phật là giáo chủ, hóa độ khắp cả Tam thiên Đại thiên thế giới là trong luận Thanh Văn nói, nếu nói Chư Phật ứng hiện giáo hoá vô lượng vô biên thế giới khắp mười phương là trong luận Đại thừa nói. Bồ-tát Thiên Thân nay nói khắp mười phương vô Ngại Quang Như lai, tức là nương vào danh hiệu của Đức Như lai ấy, khen ngợi trí tướng ánh sáng của Ngài, cho nên biết câu này thuộc về môn khen ngợi.

Nguyện sinh về cõi nước An Lạc: Câu này thuộc về môn khởi nguyện. Ý nói Bồ-tát Thiên Thân quy mạng, là quy mạng về cõi nước An Lạc kia, có nói đủ trong môn quan sát dưới đây.

- Hỏi: Trong kinh luận Đại thừa đều nói chúng sinh rốt ráo vô sinh như hư không, thế thì sao Bồ-tát Thiên Thân lại nói là nguyện sinh?

- Đáp: Nói chúng sinh vô sinh như hư không, có hai thứ:

Một, như phàm phu cho là chúng sinh thật có tức phàm phu đã thấy cho sinh tử là thật, nhưng sự thấy biết này hoàn toàn rốt ráo không thật có, như lông rùa, như hư không.

Hai, cho là các pháp do nhân duyên sinh, tức là bất sinh, không thật có, như hư không.

Bồ-tát Thiên Thân nguyện sinh là nghĩa nhân duyên. Vì nghĩa nhân duyên giả danh sinh, chẳng phải như phàm phu cho là thật có chúng sinh, thật có sinh tử.

- Hỏi: Nương vào đâu mà nói vắng sinh?

- Đáp: Ở đây người mượn danh tu môn năm niệm, niệm trước và niệm sau khởi nhân. Người mượn danh cõi uế trước, người mượn danh cõi thanh tịnh, không được quyết định một, không được quyết định khác, tâm trước tâm sau cũng như thế. Vì sao? Vì nếu một thì không có nhân quả, nếu khác thì chẳng phải nối nhau, là nghĩa pháp môn quán một quán khác, trong luận. Có nói rõ

Hạnh thứ nhất về Ba niệm môn đã xong.

Kế là thành tên gọi Ưu-ba-đề-xá! Lại thành phần trên khởi kệ sau.

*Con nương Tu-đa-la  
Tướng công đức chân thật  
Xin nói kệ tổng trì.  
Hợp với lời Phật dạy.*

Hạnh này, sao gọi là thành tên gọi Ưu-ba-đề-xá? Sao gọi là thành ba môn trước, khởi hai môn sau?

Bài kệ chép: Con nương Tu-đa-la, hợp với lời Phật dạy. Tu-đa-la: là tên kinh Phật. Con nói về nghĩa kinh Phật hợp với kinh, được xếp vào pháp tướng của Phật nên thành tên gọi Ưu-ba-đề-xá: Thành tên đã xong. Kế là thành ba môn trước, khởi hai môn sau.

Nương vào chỗ nào? Do đâu mà nương? Nương bằng cách nào? Chỗ nương vào ấy tức nương vào Tu-đa-la, vì sao lại nương?

Vì Đức Như lai là tướng công đức chân thật.

- Thế nào là nương?

Vì tu môn năm niệ̣m hợp nhau. Thành phần trước, khởi phần sau đã xong.

- Tu-đa-la: Trong mười hai bộ kinh, đều được gọi là Tu-đa-la, nghĩa là bốn bộ A-hàm ba tạng, v.v.. Ngoài ba tạng, các kinh Đại thừa cũng gọi là Tu-đa-la. Trong luận này nói nương vào Tu-đa-la, đó là nói các kinh Đại thừa ngoài ba tạng, chẳng phải kinh A-hàm, v.v..

Chân thật có hai thứ công đức:

- Một là từ tâm hữu lậu phát sinh, không thuận theo pháp tánh, nghĩa là các cõi trời, người phàm phu thuộc về quả báo lành của trời, người, hoặc nhân hoặc quả đều là điên đảo, đều là luống dối, cho nên gọi là công đức không chân thật;

- Hai là từ Bồ-tát trí huệ thanh tịnh, làm các Phật sự thường trang nghiêm, nương vào pháp tánh hội nhập tướng thanh tịnh, là pháp không điên đảo, không luống dối, nên gọi là công đức chân thật.

Thế nào là không điên đảo?

Nghĩa là nương theo pháp tánh, thuận theo hai đế.

Thế nào là không luống dối?

Nhiếp hóa chúng sinh hội nhập cõi thanh tịnh rốt ráo, nói nguyện kệ tổng trì, hợp với lời Phật dạy.

- Trì: Tức là không tan, không mất.

- Tổng: Là dùng ít thu nhiếp nhiều

- Kệ: là nói số câu năm chữ.mỗi câu

- Nguyện: Ưa muốn vãng sinh.

- Thuyết: Là nói các luận kệ, bao gồm chung mà nói. Nói kệ nguyện sinh, giữ gìn kinh Phật, hợp với lời Phật dạy.

- Tương ứng: Ví như nắp và hộp vừa khít nhau.

Quán tướng thế giới vượt khỏi ba cõi.

Dưới đây thuộc về môn quán sát thứ tư, trong môn này chia làm hai thứ khác nhau:

1- Quán sát sự thành tựu trang nghiêm khí thế gian.

2- Quán sát sự thành tựu trang nghiêm chúng sinh thế gian.

Từ câu này trở xuống cho đến câu nguyện sinh về cõi nước của Đức Phật A-di-đà, là thuộc về quán sự thành tựu tranh nghiêm khí thế gian.

Trong phần quán khí thế gian lại chia ra mười bảy thứ khác nhau cho đến văn đương xem. Hai câu này tức là sự thứ nhất gọi là quán sát sự thành tựu công đức trang nghiêm thanh tịnh sự.

- Thanh tịnh này là tướng chung. Đức Phật sở dĩ tạo nên công đức

thanh tịnh này vì Ngài nhận thấy ba cõi là tướng luống dối, luẩn quẩn như loài côn trùng, như con tằm nhả kén, tự trói buộc mình.

Thương thay chúng sinh bị buộc ràng mãi trong ba cõi này, đảo điên không thanh tịnh, Ngài muốn đặt chúng sinh vào chỗ không luống dối, vào nơi không bị trôi lăn, vào nơi không phải vô cùng, vào nơi thanh tịnh lớn lao, có được sự an vui rốt ráo, nên nêu ra công đức trang nghiêm thanh tịnh này.

- Thành tựu: Ý nói sự thanh tịnh ấy không thể phá hoại, không bị ô nhiễm, chẳng phải như ba cõi là sự ô nhiễm, là tướng bị phá hoại.

- Quán: Là quán sát

Kia : Chỉ cõi nước An Lạc.

- Tướng thế giới: Tướng thế giới An Lạc thanh tịnh, tướng ấy khác với tướng ở cõi dưới, vượt khỏi ba cõi.

- Đạo: Là chung vì nhân như thế thì được quả báo như thế. Quả như vậy là nhận từ nhân như vậy, chung nhân đến quả, chung quả đáp lại nhân, nên gọi là Đạo.

\* Ba cõi:.

- Một là cõi Dục. Cái gọi là sáu tầng trời cõi Dục và cõi người gồm bốn châu thiên hạ, các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

- Hai là cõi Sắc: Gồm các tầng trời Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên..

- Ba là cõi Vô Sắc: gồm có tầng trời Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Ba cõi này vốn là cái nhà u tối mãi bị trôi lăn trong vòng phàm phu sinh tử, vì có sự khổ vui khác nhau ít nhiều, sự tu tập tạm thời, ngăn ngừa không giống nhau.

Tóm lại đều là pháp hữu lậu, nương vào sự tuần hoàn không có bờ bến, xen nhau sinh ra xúc thọ và bốn thứ điên đảo kéo dài, vừa nhân vừa quả, luống dối nối nhau

An lạc là do nhận từ bi chánh quán của Bồ tát sinh ra, Như lai lập nên thần lực bốn nguyện. Thai, noãn, thấp, sinh duyên theo đó hững lấy nghiệp trói buộc lâu dài, từ đây dứt hẳn. Tiếp tục cân nhắc, bó buộc mình, không đợi khuyên bảo mà phải tự mình xem xét, siêng năng, khéo léo nhún nhường và cũng có đức độ như Ngài Phổ Hiền, là nói lời thiết thực để vượt khỏi ba cõi.

*Rốt ráo như hư không*

*Rộng lớn không bờ mé*

Hai câu này là nói sự thành tựu về lượng công đức trang nghiêm.



Đức Phật sở dĩ nêu lượng công đức trang nghiêm này, vì Ngài thấy ba cõi nhỏ hẹp, đọa vào những nơi hiểm nan, đồi núi gò nổng, hoặc nơi cung cấm ép ngặt, hoặc đất ruộng ngăn che hiểm trở, hoặc chí cầu đi trên đường ngăn, hoặc núi sông ngăn cách, hoặc cõi nước chia ra từng bộ phận. như thế có những việc cấp bách cho nên, các Bồ-tát khởi nguyện lập nên số lượng công đức trang nghiêm này. Nguyện cõi nước của ta rộng lớn như hư không, không bờ bến.

- Như hư không: Ý nói đời vị lai tuy có nhiều nhưng cũng như hư không.

- Rộng lớn không bờ mé: Thành nghĩa như hư không ở trên, vì sao như hư không? Vì rộng lớn không có bờ mé.

- Thành tựu: Nói chúng sinh mười phương đều được vãng sinh, hoặc đã sinh về, hoặc đang sinh về, hoặc sẽ sinh về, dù rằng vô lượng vô biên nhưng rất ráo thường như hư không, rộng lớn không bờ mé, không hề có lúc đầy, cho nên nói rất ráo như hư không, rộng lớn không bờ mé.

- Hỏi: Như ngôi thất vuông vức một trượng của Ngài Duy-ma chứa đựng mọi thứ, đâu phải nói cõi nước không lường được mới gọi là rộng lớn?

- Đáp: Nói rộng lớn, chẳng phải lấy diện tích đất đai để làm thí dụ, chỉ nói như hư không cũng đâu cần phải hạn lượng đến vuông vức một trượng. Lại chỗ dung chứa của thất vuông vức một trượng thì ở đấy tuy hẹp mà rộng. kỹ quả báo, đâu như ở chỗ rộng mà nói rộng?

*Nẻo chánh đại từ bi  
Gốc lành sinh ra đời.*

Hai câu này là nói sự thành tựu tánh công đức trang nghiêm. Vì sao Đức Phật lập nên tánh trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy do ái dục nên có cõi Dục, do dụng lực của thiền định duyên hợp nên có cõi Sắc cõi Vô Sắc. Ba cõi này đều bắt nguồn từ nẻo tà hữu lậu phát sinh, như giấc ngủ dài trong cõi mộng lớn, chẳng cầu mong ra khỏi. Cho nên ta khởi tâm đại bi, nguyện khi thành Phật dùng đạo chánh kiến vô thượng lập nên cõi thanh tịnh, vượt ra ba cõi.

Tánh là nghĩa căn bản, nói cõi Tịnh này thuận theo pháp tánh, không trái với nền tảng chánh pháp. Việc ấy đồng nghĩa với việc dấy khởi tánh Như lai Bảo Vương trong kinh Hoa Nghiêm. Lại nói chứa nhóm thành tánh, chỉ cho Bồ-tát Pháp Tạng chứa nhóm các pháp Ba-la-mật mà được thành tựu, cũng nói tánh là chủng tánh của bậc Thánh.

Bồ-tát Pháp Tạng ở vào thời Đức Phật Thế TỰ Tại Vương, ngộ

được pháp nhãn Vô Sinh. Bấy giờ, ở giai vị Thánh Chứng tánh ở, trong tánh đó, Ngài phát ra bốn mươi tám nguyện lớn, lập nên cõi này gọi là cõi Tịnh An Lạc, do nhân đó mà được, tức trong quả nêu nhân, nên gọi là Tánh.

Lại nói Tánh là nghĩa tất nhiên, không thay đổi. Như tánh của nước biển chỉ có một vị, các dòng chảy vào cũng hợp thành một vị, mùi vị nước biển không vì sự thêm vào kia mà thay đổi.

Lại như thân người, thể tánh vốn bất, các thứ vị thơm ngon tốt đẹp được đưa vào thân đều thành bất tịnh. người được vãng sinh về cõi Tịnh An Lạc đều được sắc thân trong sạch, tâm thanh tịnh, rốt ráo đều được pháp thân thanh tịnh, bình đẳng, vô vị, vì cõi Tịnh An Lạc thành tựu được tánh thanh tịnh.

Chánh đạo đại từ bi, gốc lành xuất thế sinh: Là đại đạo bình đẳng. Đạo bình đẳng gọi là chánh đạo, vì bình đẳng là thể tướng các pháp. Do các pháp bình đẳng nên phát tâm bình đẳng. Vì phát tâm bình đẳng, nên đạo bình đẳng. Vì Đạo bình đẳng nên đại từ bi bình đẳng.

Đại từ bi là nhân chánh của Phật đạo cho nên nói chánh đạo đại từ bi.

\* Từ bi có ba duyên:

- 1- Duyên với chúng sinh: Là từ bi bậc thấp.
- 2- Duyên với các pháp: Là từ bi bậc trung.
- 3- Duyên với không: Là từ bi rộng lớn.

Đại từ bi là điều lành xuất thế gian. Cõi Tịnh An Lạc từ đại từ bi này mà phát sinh, nên gọi đại từ bi này là gốc của Tịnh độ. Kệ viết:

*Gốc lành xuất thế sinh*

*Đầy đủ ánh sáng tịnh*

Như gương vầng trời trăng Hai câu này nói sự thành tựu về hình tướng công đức trang nghiêm. Phật sở dĩ lập nên tướng công đức trang nghiêm này, vì Ngài thấy mặt trời vận hành trong bốn cõi, ánh sáng không thể bao trùm hết cả ba phương, chiếu soi đủ khắp mọi nhà, soi thấu xa không đầy mười nhận ( một nhận là tám mươi thước nhà Chu), vì thế Ngài khởi nguyện giúp cho ánh sáng được đầy đủ như ánh sáng mặt trời, mặt trăng, thể tánh của nó thường đầy đủ.

Cõi Tịnh An Lạc kia lại rộng lớn vô biên, ánh sáng thanh tịnh không chỗ nào không chiếu sáng đầy đủ, nên gọi là:

*Đủ đầy ánh sáng tịnh*

*Như gương trời trăng vầng*

*Tánh châu báu đủ các**Diệu trang nghiêm đầy đủ*

Hai câu này là nói thành tựu về vô số sự việc công đức trang nghiêm. Vì sao bản nguyện của đức Phật lại dốc lòng lập nên sự trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy có cõi nước dùng bùn đất để trang sức cho nhà cửa, dùng cây đá làm đèn đài đẹp đẽ, hoặc khắc vàng chạm ngọc, ý nguyện không đầy khắp hoặc mưu cầu trăm ngàn thứ, chịu đủ mùi cay đắng. Thế nên Ngài khởi tâm đại bi, nguyện khi mình thành Phật, sẽ giúp cho cõi nước đủ đầy các thứ châu báu tự nhiên đẹp đẽ, quên cảnh hữu dư, tự được Phật đạo.

Sự trang nghiêm này, dẫu cho Tỳ-thủ-yết-ma được xem là một người thợ khéo léo, chứa chất những tư duy hết sức dồi dào, cũng đâu thể giữ được bức tranh đó?

Tánh là nghĩa căn bản. Chủ thể sinh ra đã thanh tịnh thì chỗ được sinh ra làm sao không thanh tịnh?

Cho nên trong kinh chép: “Hễ tâm mình thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh”. Cho nên nói: “Tánh châu báu đủ các, diệu trang nghiêm đầy đủ”.

*Ánh không nhỏ sáng ngời.**Sáng sạch Chiếu thế gian.*

Hai câu này nói sự thành tựu về sắc mầu công đức trang nghiêm. Vì sao bản nguyện của Phật khởi lên sự trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy có cõi nước hơn kém khác nhau, vì khác nhau nên hình tướng có cao thấp, đã có hình tướng cao thấp thì phải quấy liên sanh phải quấy đã sanh thì đắm chìm mãi trong ba cõi. Cho nên Ngài dấy khởi tâm đại bi phát thệ nguyện bình đẳng, nguyện cho cõi nước của mình ánh sáng tỏa chiếu đầy đủ bậc nhất không cõi nào sánh bằng, không mầu vàng các cõi trời, người thể bằng được. Nếu cả hai cõi là hơn ví như gương sáng ở bên cạnh vàng thì gương sẽ không còn hiển hiện.

Vàng với thời này so sánh với vàng thời Phật thì vàng thời nay thua xa. Vàng thời Phật so với vàng Diêm-phù-na thì vàng thời Phật thua soa vàng Diêm-phù-na so với cát vàng dưới biển lớn của vua Chuyển Luân thì vàng Diêm-phù-na không còn hiển hiện. Đem cát vàng của vua Chuyển Luân mà so với núi vàng thì thứ vàng nêu trước không còn hiển hiện. Sánh núi vàng so với vàng núi Tu-di thì núi vàng kia thua xa. Vàng ở núi Tu-di so với vàng Anh Lạc của tầng trời Ba mươi ba (trời

Đao-lợi) thì vàng ở núi Tu-di thua kém. Vàng tầng trời Ba mươi ba so với vàng ở cõi trời Diêm-ma thì vàng ở tầng trời ba mươi ba thua xa. Vàng ở tầng trời Diêm-ma so với vàng ở tầng trời Đâu-suất-đà thì vàng của Diêm-ma thua xa. Vàng tầng trời Đâu-suất-đà so với vàng của cõi trời Hoá Tự tại thì vàng ở cõi trời Đâu suất đã thua xa. Vàng của tầng trời Tha Hóa Tự Tại so với vàng ở tầng trời Hóa Tự Tại thì vàng của cõi trời Hoá Tự Tại thua xa.

Vàng ở tầng trời Tha Hóa Tự Tại so với vàng ở cõi An Lạc thì vàng ở tầng trời Tha Hóa Tự Tại thua xa. Vì sao? Vì vàng ở cõi An Lạc là từ diệu lực của nghiệp lành vô cấu sinh ra, cho nên thanh tịnh, không nơi nào không thành tựu.

Cõi Tịnh An Lạc là do nghiệp thanh tịnh của Bồ-tát đạt pháp Vô Sinh Nhẫn đấy khởi. Do Đức A-di-đà Như lai Pháp Vương thống lãnh, A-di-đà Như lai là duyên tăng thượng, cho nên nói:

*“Ánh không như sáng ngời,  
Sáng sạch chiếu thế gian”.*

Chiếu sáng thế gian là hai thứ thế gian chiếu sáng.

*Cỏ công đức tánh báu  
Mềm mại xoay theo chiều  
Chạm vào sinh ưa thích  
Hơn Ca-chiên Lân-đà.*

Bốn câu này gọi là nói sự thành tựu xúc công đức trang nghiêm. Vì sao bản nguyện của Đức Phật lập nên sự trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy có cõi nước, mặc dù vàng ngọc quý giá đầy dẫy nhưng không được dùng làm y phục. Ngọc báu, gương sáng, không được chọn làm vật trang sức cho các tòa ngời. Duyên theo đó chỉ tạo sự ưa thích ở mắt mà không tiện lợi đối với thân. Thân và mắt hai (căn), đâu chẳng phải mâu thuẫn?

Cho nên Ngài nguyện rằng: Nguyện cho cõi nước của tôi, người và trời sáu căn hòa hợp, như nước hòa với sữa, trút bỏ hết bao nhiêu sự lao nhọc vất vả. Do đó, bầy thứ báu mềm mại không chỉ làm ưa thích mắt mà còn là sự tiện lợi cho thân.

Ca-chiên-lân-đà là tên một thứ cỏ mềm mại ở nước Thiên Trúc, chạm vào loại cỏ này thì sinh ra sự ưa thích, cho nên dùng để ví dụ.

Người chú giải nói: Ở cõi này, đất đá, cỏ cây mỗi vật đều có tự thể nhất định của nó. Người dịch dựa vào đâu mà khen ngợi tánh báu ấy là của cỏ? Vì loài cỏ ấy mầm lá nở ra xoay theo chiều và nhỏ nhắn cho nên chỉ dùng loại cỏ mắt thấy đó mà thôi. Nếu tôi dịch xen vào thì sự

diễn tả sẽ khác nhau.

Sinh thẳng lạc giả: Chạm vào Ca-chiên-lân-đà thì sinh ra sự thích thú mang tánh chất tham đắm, còn chạm vào loại cỏ báu mềm mại thì sinh tâm vui mừng ưa thích. Hai thứ khác nhau, chẳng phải hơn loại cỏ kia hay sao? Cho nên nói: “Cỏ công đức tánh báu, mềm mại xoay theo chiều, chạm vào sinh ưa thích, hơn Ca-chiên-lân-đà”.

*Muôn ngàn loại hoa báu  
Giăng phủ khắp suối ao  
Gió nhẹ động cánh hoa  
Ánh sáng hòa rung rinh.*

Bốn câu này là nói sự thành tựu nước công đức trang nghiêm. Vì sao bản nguyện của Đức Phật khởi lên thế nguyện này?

Vì Ngài thấy có cõi nước bị mưa lớn làm chìm đắm, sóng dữ của biển cả dâng tràn cuộn cuộn là cho mọi người kinh sợ, hoặc là ngưng đọng, hoặc đóng thành băng lớn, ép ngặt bất thường, khiến trong lòng không được an vui, lại còn có bao sự lo lắng sợ sệt.

Bồ-tát thấy như thế nên khởi tâm đại bi. Nguyện khi thành Phật thì, ở cõi nước mình nơi nào cũng đều có các dòng suối ao hồ, thường hợp với cung điện lầu gác, lại có vô số các thứ hoa báu trải rộng khắp nơi, tô điểm cho dòng nước cùng với gió nhẹ thổi từ từ, ánh sáng phát ra theo thứ lớp cảnh trí ấy, tự bản chất là sự thần diệu tuyệt vời không gì hơn, không thể diễn tả hết, cho nên bài kệ chép:

*Muôn ngàn thứ hoa báu,  
Giăng phủ khắp suối ao,  
Gió nhẹ động cánh hoa,  
Ánh sáng hòa rung rinh.  
Các lầu gác cung điện  
Thấy mười phương vô ngại  
Cây chen sáng màu khác  
Lan can báu vây quanh*

Bốn câu này là nói sự thành tựu công đức trang nghiêm về đất. Vì sao Phật khởi lên sự trang nghiêm này? Vì Ngài thấy có cõi nước với bao cảnh đồi núi, hang hốc, cây cối sông biển, nơi thì chập chùng gồ ghề, chốn thì mênh mông hoang vắng. Bồ-tát thấy như thế, phát khởi tâm đại bi, nguyện cõi nước mình đất đai bằng như lòng bàn tay, cung điện lầu gác, gương nập mười phương, không thuộc vào đâu, cũng chẳng phải không thuộc. Cây báu, lan can báu lẫn nhau tô điểm. Cho nên nói: “các lầu gác cung điện, thấy mười phương vô ngại, cây chen

sáng khác màu, lan can báu bao quanh”.

*Vô lượng báu xen nhau  
Mành lưới khắp hư không  
Muôn ngàn linh réo rắt  
Vang re tiếng hay ho.*

Bốn câu này là gọi sự thành tựu công đức trang nghiêm về hư không. Vì sao bản nguyện của Phật phát khởi tạo nên sự trang nghiêm ấy? Vì Ngài thấy có cõi nước với vô số khói mây bụi bặm, sương mù che khắp bầu trời. Sét đánh, lửa cháy dữ dội, mưa tuôn xối xả từ trên cao đổ xuống kéo theo bao điều nguy hiểm. Rồi những cầu vồng đủ màu sắc hiện ra trong hư không, con người lại lo sầu trăm mối, vì thế mà thường sợ hãi kinh hoàng.

Bồ-tát thấy thế nên khởi tâm đại bi: “Nguyện cho cõi nước mình có nhiều lưới báu xen nhau, mành lưới trùm khắp hư không, tiếng linh reo, tiếng chuông lác, với đủ cung bậc trầm bổng phát ra muôn ngàn âm thanh giảng nói đạo pháp khiến cho mọi người nghe thấy không hề nhàm chán, lại thường nhớ nghĩ đạo lý, thấy rõ công đức”. Cho nên nói: “Vô lượng báu xen nhau, mành lưới khắp hư không, muôn ngàn linh réo rắt, ra tiếng hay ho”.

*Mưa hoa, y trang nghiêm  
Xông tỏa vô lượng hương*

Hai câu này nói là sự thành tựu công đức trang nghiêm mưa. Vì sao Phật lại phát khởi tạo lập sự trang nghiêm ấy? Vì Ngài thấy có cõi nước, trải các thứ y phục trang nghiêm trải trên mặt đất để thỉnh mời những bậc tôn quý, hoặc trải hương hoa quý giá nổi tiếng, để nói lên sự cung kính trong các trường hợp trên, nhưng do nghiệp cảm còn quá ít ỏi thiếu thốn nên sự việc không đạt kết quả.

Vì thế Ngài phát nguyện đại bi: “Nguyện cõi nước của tôi, thường tuôn rải các vật này nhiều như mưa, giúp cho tâm ý chúng sinh được thỏa mãn”.

\* Vì sao lấy mưa để nói?

Vì e rằng chúng sinh sẽ tham đắm, nếu thường tuôn hoa, áo, luôn như mưa thì sẽ lấp bít hư không, chẳng có gì ngăn ngại được? Cho nên mưa du như. Khi mưa rơi thì không có cái lo lắng về trường hợp nước lớn mênh mông, được phước báo an vui, đâu có vật để trởi buộc các căn?

Trong kinh chép: “Ngày đêm sáu thời trong thường tuôn rải y phục báu, hoa báu nhiều như mưa, chất báu ấy mềm mại, thì lún xuống bốn tấc hễ khi đỡ chân lên thì bằng phẳng lại như cũ. Dùng xong thì

chìm vào đất bấu, như nước chảy xuống chỗ trũng cho nên nói: hoa đẹp y phục trang nghiêm tuôn rãi như mưa, xông tỏa vô số hương.

*Mặt trời Phật tuệ chiếu*

*Xua mê tối cho đời.*

Hai câu này là nói sự thành tựu công đức trang nghiêm ánh sáng. Vì sao Phật khởi lên sự trang nghiêm này? Vì ngài thấy có cõi nước, tuy đã nhờ có ánh sáng mặt trời soi chiếu khắp chốn, nhưng ánh sáng đó không thể xua tan ngu si tăm tối.

Cho nên Ngài nguyện rằng: “Nguyện cho cõi nước của ta thường có ánh sáng chiếu soi có công năng dứt trừ sự ngu si mê tối, nhập vào trí huệ Phật, chẳng có việc gì không ghi nhớ. Cũng có thể nói rằng ánh sáng ở cõi An Lạc là từ năng lực phước báo trí tuệ của Như lai khởi lên nên mới có năng lực mầu nhiệm xua tan được sự si tối cho thế gian”. kinh chép: “Có cõi Phật dùng ánh sáng làm Phật sự”, chính là ý này.

Vì vậy kệ chép:

*“Mặt trời Phật tuệ chiếu,*

*Xua si tối cho đời.*

*Ngộ sâu xa Phạm âm*

*Mười phương nghe mầu nhiệm*

Hai câu này nói về sự thành tựu công đức trang nghiêm âm thanh mầu nhiệm. Vì sao Phật tạo nên sự trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy có cõi nước tuy có được các pháp lành nhưng tiếng tăm không được truyền khắp, hoặc tiếng tăm tuy truyền nhưng lại không mầu nhiệm, hoặc có được danh tiếng mầu nhiệm vang khắp nhưng không thể giúp cho sự vật giác ngộ. Cho nên Ngài khởi lên sự trang nghiêm này.

Ở nước Thiên-trúc gọi các hạnh thanh tịnh là Phạm hạnh, gọi các lời nói mầu nhiệm là phạm lời Đất nước ấy rất quý trọng Phạm Thiên nên phần nhiều thường dùng chữ Phạm để làm việc khen ngợi. Có thể cho rằng phép tắc ở Trung quốc cũng không khác mấy với sự tôn kính Phạm Thiên.

Thinh là tiếng.

Danh là tên gọi cõi Tịnh An Lạc. Kinh chép: “Nếu người nào chỉ nghe được danh hiệu Tịnh An Lạc, dốc nguyện vãng sinh thì cũng được như nguyện”. Đó gọi là chứng minh giác ngộ chúng sanh.

Thích Luận chép: “Như tịnh thể chẳng thuộc ba cõi, vì sao nói như thế?”

Vì cõi An Lạc là vô dục nên chẳng phải cõi Dục. Vì cõi An Lạc là



địa cư nên chẳng phải cõi Sắc, vì là Hữu sắc cho nên chẳng phải cõi Vô Sắc. Nói chung, nghiệp riêng của các Bồ-tát đã hoàn toàn thuần thực, nên ra khỏi ba cõi mà vẫn có cõi tịnh độ gọi là Vi, tên gọi cõi ấy có thể tạo được sự khai ngộ, nên gọi là mẫu nhiệm Vi vậy mà cho rằng: Ngộ sâu xa Phạm âm, mười phương nghe mẫu nhiệm.

*Bậc chánh giác A-Di-đà*

*Pháp vương khéo trụ trì*

Hai câu này nói sự thành tựu công đức trang nghiêm chủ. Vì sao Phật khởi lên sự tang nghiêm này? Vì Ngài thấy có cõi nước nếu loài La-sát làm vua, thì đất nước sẽ thành mục tiêu tàn sát lẫn nhau. Nếu bậc Bảo Luân ngự trị trong cung điện thì bốn cõi không còn lo sợ. Ví như, các vật lướt theo gió, đâu không có cội gốc hay sao?

Cho nên Ngài khởi nguyện: “Nguyện cõi nước của ta thường có bậc Pháp Vương, bậc Pháp Vương ấy khéo dùng năng lực tài giỏi để trị an chắc chắn”.

Trụ trì: Ví như con chim Hoàng Hộc che chở chim con được an ổn, giúp cho con nó sống ngàn tuổi. Cũng như cá mẹ bảo vệ cá con, vượt qua được chỗ nước cạn không bị chết.

Cõi nước An Lạc được bậc Chánh giác ấy khéo giữ gìn, đâu có việc chẳng phải Chánh giác? Cho nên nói: “Bậc Chánh giác Di-đà, Pháp vương khéo trụ trì.

*Như lai muôn hoa tịnh*

*Hoa chánh giác hóa sinh*

Hai câu này là nói sự thành tựu công đức trang nghiêm quyến thuộc. Vì sao Ngài khởi lên sự trang nghiêm này? Vì Ngài thấy có cõi nước, sự tạo tác thành thân người và sự lớn đều khởi từ ô uế, bất tịnh. Hoặc các quan lại công hầu dọc ngang một cõi, lại sinh ra thứ con cái điên cuồng, còn người trẻ ở tầng lớp thấp kém lại có tài nghệ xuất chúng. Chê cười, trách cứ là do mãi ôm lòng giận dữ. Bị sỉ nhục, hổ thẹn nên mãi giữ gìn thái độ lạnh lùng.

Vì thấy những điều đó nên Ngài phát nguyện: “Nguyện cho cõi nước ta tất cả đều từ trong hoa báu của Như lai mà sinh ra, quyến thuộc đều bình đẳng và không hề có con đường nào khác”, cho nên nói: Như lai muôn hoa báu, hoa Chánh giác hóa sinh.

*Ưu thích vị pháp Phật*

*Thiền định làm thức ăn.*

Hai câu này nói về sự thành tựu công đức trang nghiêm thọ dụng. Vì sao Ngài nguyện điều này vì Ngài thấy có cõi nước, hoặc chỉ vì



miếng ăn ngon mà phải lặn lội tìm cầu, đánh đập giết hại, hoặc để cát vào bọc cho đó là lương thực để làm phương tiện an ủi qua ngày. Than ôi! Các người, thật đáng thương thay!

Cho nên Ngài khởi nguyện đại bi: “Nguyện cho cõi nước ta Phật pháp thiên định, tam-muội là thức ăn, hoàn toàn dứt hết các thứ thức ăn mang tính khổ cực của con người”. Người ưa thích hương vị Phật pháp, như Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh giảng nói kinh Pháp Hoa trong sáu mươi tiểu kiếp. Thời gian đó ở trong pháp hội, người nghe pháp cũng ngồi yên một chỗ. Sáu mươi tiểu kiếp trôi qua chỉ như khoảng thời gian bữa ăn, không có một người nào hoặc thân hoặc tâm sinh ra sự biếng lười, mệt mỏi.

Thiên định là thức ăn: Nghĩa là các vị Đại Bồ-tát thường an trụ trong tam-muội chứ không có thức ăn nào khác. Tam-muội đó là chỉ cho các người, trời kia, nếu đúng giờ ăn thì trăm thứ mùi vị thức ăn thơm ngon đã bày sẵn trước mặt. Mắt thấy sắc, mũi ngửi mùi, thân thọ sự vui thích thì tự nhiên no đủ, ăn rồi thì đi giáo hóa, nếu lúc nào cần thì hiện trở lại, những việc này có nói trong kinh Pháp Hoa, cho nên nói: “Ưa thích vị Pháp Phật, Thiên định là thức ăn”.

*Lìa hẳn não thân tâm,  
Thường Hưởng vui không dứt.*

Hai câu này nói về sự thành tựu công đức trang nghiêm, không có các chướng nạn. Do đâu mà Phật khởi lên điều này? Vì Ngài thấy có cõi nước, buổi sáng thì được dự vào hàng ân sủng, mặc áo lễ phục châu Vua, chiều tối thì kinh hoàng vì bị xử trị gia hình. Hoặc lúc nhỏ thì lặn lội trong đám dân dã quê mùa, khi lớn khôn thì trở thành bậc tu hành đức độ. Hoặc lúc lên đường thì tiếng kèn tiếng trống giục giã, trải qua rồi thì hối thúc quay về. Có biết bao nhiêu sự việc trái ngược như vậy.

Cho nên Ngài nguyện: “Nguyện cho cõi nước của ta thường được sự an vui liên tục, không bao giờ xen hở”. Thân não, là những sự đói khát, nóng lạnh, giết hại. Tâm não là những việc phải trái, được mất, và ba độc tham sân si, v.v.. Cho nên nói: “Lìa hẳn não thân tâm thường, hưởng vui không dứt”.

*Cõi gốc lành Đại Thừa  
Dứt mọi tiếng chê bai  
Người nữ và căn thiếu  
Người Hai thừa không sinh*

Bốn câu này nói về sự thành tựu công đức trang nghiêm Đại nghĩa môn.

Môn là chỉ chung cho môn Đại Nghĩa. Đại Nghĩa là các nghĩa tiêu biểu cho Đại thừa. Như người xây dựng thành trì, được cửa thì vào, nếu người được sinh về cõi An Lạc thì thành tựu được môn Đại thừa. Vì sao Phật khởi lên sự trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy có cõi nước, tuy có Chư Phật, Như lai và các chúng Hiền Thánh, v.v.. Nhưng vì cõi nước vẫn đục, nên một mà phải nói thành ba. Hoặc nheo mày cười cợt, hoặc dựa theo ngón tay, lời nói mà với lấy sự chê bai.

Cho nên Ngài khởi nguyện: “Giúp cho cõi nước của ta đều thuần một vị Đại Thừa, một vị bình đẳng. Các hạt giống căn trí xấu kém, thì không bao giờ được sinh, người nữ khuyết tật ngay cả tên gọi cũng không nghe”. Cho nên nói: “Đối gốc lành Đại thừa, dứt các tiếng hiềm nghi, người nữ và căn thiếu, Người Hai thừa không sinh”.

- Hỏi: Theo kinh Vô Lượng Thọ giảng ở thành Vương-xá, trong bốn mươi tám lời nguyện của Bồ-tát Pháp Tạng có nguyện rằng: “Nếu khi ta được thành Phật, mà tính đếm biết được số lượng các Thanh Văn trong nước, thì ta không thành Chánh giác”. Đó là chứng cứ thứ nhất cho thấy có Thanh Văn.

Lại trong Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa chép: Bồ-tát Long Thọ soạn “A-di-đà Tán rằng: “Vượt khỏi ngục ba cõi, mắt như cánh hoa sen, chúng Thanh Văn vô lượng, cho nên cúi đầu lễ”. Đó là chứng cứ thứ hai cho biết là có Thanh Văn.

Lại trong Luận “Ma-ha-diễn” chép: “Vô số các cõi Phật không đồng nhau, hoặc có cõi Phật thuần là các Thanh Văn tăng, hoặc có cõi Phật thuần là các Bồ-tát tăng, hoặc có cõi Phật vừa có Bồ-tát tăng Thanh vừa có Văn Tăng, như cõi An Lạc của Đức Phật A-di-đà. Đó là chứng cứ thứ ba xác nhận có Thanh Văn.

Trong các kinh có nói về cõi An Lạc, phần nhiều đều nói có Thanh Văn, chẳng nói là không có. Thanh Văn là một trong Hai Thừa.

Thế mà luận nói kể cả tên gọi Hai Thừa cũng không có, như thế là sao?

- Đáp: Dùng lý mà suy điều này thì ở cõi Tịnh An Lạc không thể có người Hai Thừa. Vì sao nói như vậy? Vì hễ thấy có bệnh thì có thuốc chữa, lý thường là như thế.

Kinh Pháp Hoa chép: “Đức Thích-ca Mâu-ni Như lai vì xuất hiện ở cõi đời có năm thứ vẫn đục, nên chỉ một thừa mà phải tạm chia làm ba. Cõi Tịnh độ chẳng có năm thứ vẫn đục, nên không có ba thừa là điều đã rõ”.

Kinh Pháp Hoa chép: các Thanh Văn là những người do đâu mà được giải thoát?

Chỉ là do đã lìa bỏ sự luống dối nên gọi là giải thoát. Thật ra những vị này chưa được giải thoát hoàn toàn, vì chưa chứng được đạo quả Vô thượng. Theo lý này mà suy ra một cách nghiêm túc thì A-la-hán chưa được giải thoát rốt ráo, vẫn còn phải sinh, nhưng A-la-hán này không còn sinh trong ba cõi. Ngoài Tịnh độ, ba cõi không còn có cõi nào phải sinh, do đó chỉ còn sinh về Tịnh độ mà thôi.

Như nói Thanh Văn chính là do Thanh Văn từ phương khác sinh đến, nhưng tên gốc vẫn còn gọi là Thanh Văn. Như trời Đế-thích sinh vào loài người thì họ Kiều-thi-ca, về sau này tuy đứng đầu cõi Trời, Đức Phật muốn cho tười biết lý do từ đâu đến, nên lúc nói chuyện với Đế-thích vẫn gọi là Kiều-thi-ca, cho nên biết Thanh Văn ấy cũng thuộc loại như thế.

Lại, trong luận này chỉ nói hạt giống Hai Thừa không sinh, nghĩa là nói cõi An Lạc không phải là nơi sinh hạt giống như Hai Thừa. Vì sao lại ngăn người Hai Thừa sinh về? Ví như giống quýt thì đem trồng không sống được ở vùng Giang Bắc, còn ở vùng sông Hà, sông Lạc thì trái cây phôi bày ra nơi gian hàng, hầu như lúc nào cũng thấy có quýt. Lại nói về chim Anh Vũ không thể bay qua vùng Lũng Tây, nhưng ở nước Triệu, nước Ngụy thì các cái gia cái lồng, cũng có chim Anh Vũ. Hai vật này nhằm nói về giống, loại kia không thích hợp theo từng vùng. Trường hợp người Thanh Văn cũng như thế, giải thích như vậy là hợp với kinh luận.

- Hỏi: Danh là để gọi sự, có sự mới có danh. Cõi An Lạc đã không có các việc của Hai Thừa, người nữ căn thiếu, thì đâu cần phải nói lại ba tên gọi này?

- Đáp: Như tâm nhu hòa của Bồ-tát có, không kham việc mạnh mẽ chê trách Thanh Văn. Như kẻ dua nịnh hoặc yếu hèn chê bai người nữ. Lại như hai mắt tuy sáng mà không nhận thức được sự việc, lại trách cứ người mù. Như tai tuy nghe nhưng nghe nghĩa mà chẳng hiểu, lại chê trách người điếc. Như lưỡi tuy nói được nhưng lời nói thì chậm chạp, lắp bắp, lại chê cười kẻ câm. Người có các căn như thế tuy gọi là đầy đủ nhưng tên gọi ấy chỉ tạo sự chê trách, nghi ngờ. Cho nên phải nói: Kể cả việc không còn có tên gọi, nhằm nói lên Tịnh độ không có các tên gọi, bị đoạt mất như thế.

- Hỏi: Suy tìm bốn nguyện của Bồ-tát Pháp Tạng và những lời khen ngợi của Bồ-tát Long Thọ đều giống như việc chỉ cho chúng Thanh

Vấn cõi nước kia có nhiều điều kỳ lạ, ý nghĩa ấy thế nào?

- Đáp: Các Thanh Văn dùng thực tế để chứng minh, tính ra không nên phát sinh được mầm mống căn bản của Đạo Phật. Nhưng Đức Phật đã dùng bốn nguyện thần lực không thể suy nghĩ bàn luận luận để nhiếp hóa giúp họ sinh về cõi kia, thì phải dùng thần lực để làm phát sinh đạo tâm vô thượng. Ví như con chim trắm, lặn xuống nước thì loài Cá loài trai đều phải chết. Còn con tê giác thì đụng vào nó tuy chết nhưng đều lại sống. Như thế thì không phải sinh mà lại là sinh, do đó nên nói có điều kỳ lạ.

Nhưng trong năm thứ không thể suy nghĩ bàn luận, thì Phật pháp là không thể suy nghĩ bàn luận luận bậc nhất. Đức Phật có khả năng giúp cho Thanh Văn phát đạo tâm vô thượng, sinh về cõi kia, thật là điều không thể suy nghĩ bàn luận luận tột cùng.

*Nguyện cho chúng sinh vui  
Tất cả đều đầy đủ*

Hai câu này là nói sự thành tựu công đức trang nghiêm tất cả sở cầu luôn đầy đủ. Vì sao Phật lại khởi lên nguyện này?

Vì Ngài thấy có cõi nước hoặc tiếng tăm cao, địa vị trọng, thường bị chìm đắm trong đó mà không rõ lý do. Hoặc kẻ phu phàm tánh tình thô bỉ, mong tạo ra được con đường tốt đẹp. Hoặc tu tập yếu kém bị nghiệp chướng trói buộc, chế ngự bản thân thường bị động, cũng giống như Tiên A-tư-đà, có những việc như thế nên bị gió nghiệp xoay chuyển, không được tự tại.

Cho nên Ngài nguyện: “Giúp cho cõi nước của ta thường đầy đủ các thứ sở cầu, đều như ý nguyện”. Cho nên nói: nguyện cho chúng sinh vui, tất cả đều đầy đủ”.

*Cho nên nguyện sinh về,  
Cõi Phật -di-đà kia*

Hai câu này kết thúc quán sát thành tựu sự mười bảy thứ trang nghiêm cõi nước, cho nên nguyện sinh. Giải thích về khí thế gian thanh tịnh, ở trên đã xong.

Kế là quán sát về chúng sinh thế gian thanh tịnh, trong môn này chia làm hai phần khác nhau.

1. Quán sát công đức trang nghiêm của A-di-đà Như lai.
2. Quán sát công đức trang nghiêm của các Bồ-tát ấy.

Trong phần quán sát công đức trang nghiêm của Đức Như lai có tám thứ, đến văn sẽ nêu ra.

- Hỏi: Có các Luận sư giải thích danh nghĩa chúng sinh, do chúng

sinh trôi lăn trong ba cõi chịu nhiều sinh tử, nên gọi là chúng sinh. Nay gọi Phật và Bồ-tát là chúng sinh có ý nghĩa thế nào?

- Đáp: Kinh chép: Một pháp có vô lượng tên gọi, một tên gọi có vô lượng nghĩa. Do chịu nhiều sinh tử nên gọi là chúng sinh. Đây là nghĩa do các Luận gia thuộc phái Tiểu thừa giải thích

Còn phái Đại thừa nói Chúng sinh là như trong Tâm kinh gọi là chẳng thêm chẳng bớt. Nói Chúng sinh là nghĩa bất sinh, bất diệt. Vì sao?

Vì nếu có sinh, sinh rồi lại sinh, thì có lỗi vô cùng. Có lỗi bất sinh mà sinh, nên nói là Vô sinh. Nếu có sinh thì có diệt, đã vô sinh thì làm sao có diệt? Cho nên nói vô sinh vô diệt là nghĩa Chúng sinh. Như trong kinh nói thông đạt năm thọ, ấm là không, là Vô sở hữu, đó là nghĩa khổ, là loại chúng sinh ở đây.

*Vô lượng Đại Bảo Vương  
Đài hoa tịnh nhiệm mầu*

Hai câu này là nói sự thành tựu tòa công đức trang nghiêm. Vì sao Phật khởi lên nguyện này?

Vì Ngài thấy có Bồ-tát đối với thân mạng cuối cùng trải cỏ mà ngồi, chứng quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề. Các trời, người thấy thế thì tâm kính tin thêm lớn, phát huy lòng cung kính, sự ưa thích và việc tu hành cũng thế.

Cho nên Ngài nguyện: “Nguyện khi ta thành Phật thì vô lượng Đại Bảo Vương, đài hoa thanh tịnh mầu nhiệm để la tòa ngồi của Phật”.

- Vô lượng: Như trong kinh Quán Vô Lượng Thọ chép: Bảy thứ báu trên mặt đất, có tòa báu hoa sen lớn chứa mỗi cánh hoa có trăm sắc báu, có tám muôn bốn ngàn đường gân nổi lên như nét vẽ của các vị trời, mỗi đường gân có tám mươi bốn ngàn tia sáng, cánh hoa nhỏ, tỏa rộng đến hai trăm năm mươi do-tuần. Hoa này có tám mươi bốn ngàn cánh, giữa hai cánh có trăm ức ngọc chứa Ma-ni để tô điểm đẹp đẽ, mỗi hạt ngọc Ma-ni phát ra ngàn tia sáng, ánh sáng như cái lọng do bảy chất báu hợp thành trải khắp trên mặt đất.

Đài bằng chất báu Thích-ca-Tỳ-Lăng-già. Đài hoa sen này được tô điểm bằng tám muôn chất báu Kim Cương Chân-thức-ca, Báu Phạm Ma-ni, lưới chân châu mầu nhiệm. Ở trên đài, tự nhiên có bốn cột báu, mỗi cột báu, như tám vạn bốn ngàn ức núi Tu-di, trên cột báu cao có màn báu như cung trời Ạm-a, có năm trăm ức ngọc báu mầu nhiệm, để tô điểm. Mỗi viên ngọc báu, có tám mươi bốn ngàn tia sáng, mỗi tia sáng phát ra tám mươi bốn ngàn mầu vàng khác nhau. Mỗi mầu vàng

đó, biến khắp cả đất báu cõi An Lạc, biến hóa khắp nơi, mỗi nơi phát ra mỗi tiếng khác nhau. Hoặc là đài kim cương hoặc lưới chân châu, hoặc làm nhiều thứ mây hoa ở khắp mười phương, tùy ý biến hiện, thực hành các Phật sự, những việc như thế vượt hơn số lượng.

Cho nên nói vô lượng Đại Bảo Vương, đài hoa tịnh mầu nhiệm.

*Ánh sáng xa một tâm*

*Sắc tướng hơn chúng sanh.*

Hai câu này là nói sự thành tựu thân nghiệp công đức trang nghiêm. Vì sao Phật khởi lên sự trang nghiêm về thân nghiệp như thế? Vì Ngài thấy thân Phật, có ánh sáng chiếu xa một trượng, đối với ánh sáng ở thân người không thể hơn được. Như tướng tốt của vua Chuyển Luân phần lớn cũng đồng. Còn Đề-bà Đạt-đa thì chỉ thua có hai, đã từng xúi giục Vua A-xà-thế, làm cho vua mê loạn theo các ngoại đạo như San-xa-da, v.v... chẳng lượng sức mình, hoặc cùng loại như vậy. Cho nên thân nghiệp trang nghiêm như thế.

Xét việc chú giải nghĩa văn, ở đây cho rằng sáu thước gọi là tâm.

Như kinh Quán Vô Lượng Thọ chép: Thân Đức A-di-đà Như lai cao sáu mươi muôn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần. Ánh sáng của Phật chiếu xa đến trăm ức Tam thiên Đại thiên thế giới. Dịch người dùng chữ tâm để diễn tả, như vậy nghĩa không rõ ràng chăng? Người đời làm nhà không có chiều dọc ngang, dài ngắn. Nếu gọi là bề ngang thì duỗi hai cánh tay ra làm một tâm. Nếu người dịch giữ ý loại này thì dùng theo chuẩn mực của Đức A-di-đà Như lai, duỗi cánh tay ra để nói, nên gọi là một tâm. Ánh sáng tròn đầy đó cũng qua sáu mươi muôn ức na-do-tha Hằng hà-sa do-tuần, nên nói: ánh sáng xa một tâm,, sắc tướng hơn chúng sanh.

- Hỏi: Kinh Quán Vô Lượng Thọ chép: Chư Phật Như lai là thân pháp giới, nhập vào trong tất cả tâm tướng chúng sinh, cho nên lúc tâm họ tướng Phật thì tâm đó là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp thêm thân, tâm đó làm Phật, tâm đó là Phật, biến Chánh Biến Tri của chư Phật là từ tâm tướng mà sinh, nghĩa đó như thế nào?

- Đáp: Thân là do nhóm hợp lại mà thành cõi gọi là sự khác nhau. Như nhãn giới là do duyên hợp của năm nhân duyên là căn, sắc, hư không, ánh sáng, tác ý mà sinh, nên gọi là nhãn giới. Cho nên hai mắt tự vận hành theo duyên của mình, chứ không làm theo các duyên khác, do đó sự việc có khác nhau, Nhĩ giới, Tỷ giới, v.v...cũng như thế.

Nói chư Phật, Như Lai là thân pháp giới: Pháp giới là tâm pháp

của chúng sinh. Do tâm có công năng sinh ra tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian, nên gọi tâm là pháp giới. Pháp giới có công năng sinh ra thân tướng tốt của các Đức Như lai, cũng như sắc, v.v... có công năng sinh ra nhãn thức. Cho nên thân Phật gọi là thân pháp giới, thân này không vận hành theo các duyên khác, vì vậy nhập vào tất cả tâm tướng chúng sinh. Khi tâm nhớ nghĩ Phật thì tâm đó là ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp theo thân. Lúc tâm chúng sinh tưởng Phật thì thân tướng tốt của Phật liền hiển hiện trong tâm chúng sinh. Ví như nước yên lặng thì cảnh vật hiển bày. Nước và cảnh vật đó chẳng phải một, cũng chẳng phải khác, cho nên nói thân tướng tốt của Phật tức là tâm tướng Phật. “Tâm này làm Phật”: Là nói tâm có khả năng làm Phật. “Tâm này là Phật”: Tức là ngoài tâm không có Phật, ví như lửa từ cây sinh ra, lửa không thể lìa cây được. Vì không lìa cây nên có khả năng đốt cháy cây. Cây bị lửa đốt cháy thì cây chính là lửa.

Biển Chánh Biến Tri của Phật từ tâm tướng sinh ra.

- Chánh Biến Tri là chân chánh đúng như pháp giới mà biết. Pháp giới vô tướng nên Chư Phật là vô tri. Do vô tri cho nên không có điều gì không thấu đạt. Vô tri mà thấu đạt tất cả nên gọi là Chánh Biến Tri. Cái biết này sâu rộng không thể lường tính được, nên ví như biển.

*Tiếng Như lai mẫu nhiệm*

*Âm Phạm vang mười phương*

Hai câu này nói về sự thành tựu khẩu nghiệp công đức trang nghiêm. Do đâu mà bản nguyện của đức Phật khởi lên sự trang nghiêm này? vì Ngài thấy có Đức Như lai danh tiếng dường như chưa phải là cao quý tột bậc. Như các ngoại đạo vốn là hạng đẩy xe cho người cũng gọi họ là Cù-đàm, hoặc âm thanh ngày thành đạo chỉ thấu đến cõi Phạm Thiên.

Vì thế nên Ngài nguyện rằng: “Nguyện khi ta thành Phật, âm thanh mẫu nhiệm ban bố cùng khắp, giúp cho người nghe ngộ được pháp nhãn”. Cho nên, nói: Tiếng Như lai mẫu nhiệm âm phạm nghe mười phương.

*Đồng đất, nước, gió, lửa*

*Chẳng phân biệt hư không.*

Hai câu này nói về sự thành tựu công đức trang nghiêm tâm nghiệp. Vì sao bản nguyện của Đức Phật khởi lên sự trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy có Đức Như Lai nói pháp rằng: Đây đen, đây trắng, đây không đen, không trắng, pháp hạ, pháp trung, pháp thượng, pháp thượng thượng. Có vô lượng phẩm khác nhau như thế, dường như có



phân biệt.

Cho nên Ngài nguyện: “Nguyện khi ta thành Phật, như mặt đất đảm nhận tất cả, không có sự khác nhau về nặng, nhẹ, như nước thấm lâu, không có sự khác nhau giữa loại cỏ độc, và cỏ lành, như lửa đã thuần thực không khác nhau hôi, thơm. Ví như gió thổi không có sự khác nhau giữa ngủ thức. Như hư không bao gồm hết không có ý nghĩ mở hay đóng. Được cái bên trong những điều đó thì bên ngoài sự vật được an ổn. Hư đi thật về, vì thế cho nên dứt”. Cho nên nói: “Cùng đất, nước, lửa, gió, chẳng phân biệt hư không”.

*Chúng Trời, người bất động.*

*Biển trí thanh tịnh hiện.*

Hai câu này nói về sự thành tựu công đức trang nghiêm đại chúng. Vì sao Phật khởi lên sự trang nghiêm này? Vì Ngài thấy có Đức Như lai ở chỗ giảng nói chánh pháp, đại chúng hiện đang có mặt căn tánh và sự ước muốn đều không giống nhau, đối với trí tuệ Phật hoặc lui sụt hoặc chìm mất, vì sự lãnh hội không đồng đều, nói chung là đại chúng không có sự thuần tịnh, nên Ngài khởi nguyện rằng Nguyện khi ta thành Phật, tất cả các trời, người đều từ biển trí tuệ thanh tịnh của Như lai sinh ra.

Biển là nói Trí Nhất Thiết Chủng của Đức Phật sâu rộng không bờ mé, không lưu giữ các điều tạp thiện của người Hai Thừa, nên dụ như biển.

Cho nên nói: “Chúng Trời, người bất động, biển trí thanh tịnh hiện”.

*Như núi chúa Tu-di*

*Tốt đẹp không gì hơn*

Hai câu này nói về sự thành tựu công đức trang nghiêm thượng thủ. Vì sao Phật khởi lên sự trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy có trường hợp trong chúng của Đức Như lai, hoặc có người hung bạo, như bọn ông Đề-bà-đạt-đa. Hoặc có vị vua cùng Phật xử trị việc nước nhưng không biết lại suy tôn Phật. Hoặc có vị thỉnh Phật, do nhân duyên khác nên lại quên. Có những việc như thế, vì năng lực của vị thượng thủ không thành tựu.

Cho nên Ngài nguyện: “Khi ta thành Phật, nguyện tất cả đại chúng, không hề sinh tâm dám ngang hàng với ta. Chỉ có bậc Pháp Vương, không có hàng Tục vương”, cho nên nói: “Như núi chúa Tu-di, tốt đẹp không gì bằng”.

*Trời, người chúng trường phu*

*Nhiều Cung kính chiêm ngưỡng*



Hai câu này nói về sự thành tựu công đức trang nghiêm chủ. Do đâu Phật khởi lên sự trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy có Phật Như lai, mặc dù có chúng đông, nhưng trong chúng cũng có người tỏ ra thiếu cung kính. Như có một vị Tỳ-kheo nói với Đức Phật Thích-ca Mâu-ni: “Nếu không giải thích mười bốn câu hỏi cho tôi, thì tôi sẽ đi học đạo khác”.

Cũng như ông Cư-ca-ly chê bai Ngài Xá-lợi-phất. Đức Phật khuyên ba lần, mà ông cả ba lần đều không nghe lời. Lại như có các ngoại đạo, giả vào trong đại chúng của Phật, mà thường dò xét, tìm kiếm lỗi của Phật.

Lại như Thiên-ma ở tầng trời thứ sáu, thường gây ra mọi sự khó khăn trở ngại đối với Phật. Có vô số các việc như thế, bày tỏ hình sự không cung kính.

Cho nên Ngài nguyện: “Khi ta thành Phật, chúng trời, người thường luôn cung kính, không có sự mệt mỏi. Cho nên chỉ nói Trời, người, Tịnh độ không có người nữ và tám bộ chúng quỷ thần”. Cho nên nói: “Trời, Người chúng trượng phu, cung kính nhiều chiêm ngưỡng”.

*Quán sức bốn nguyện Phật*

*Vượt ra lỗi vô không*

*Nên giúp chóng tròn đủ*

*Biển báu công đức lớn.*

Bốn câu này nói về thành tựu công đức trang nghiêm của sự trụ trì. Vì sao Phật khởi lên sự trang nghiêm này? Vì Ngài thấy có Đức Như lai chỉ lấy Thanh Văn làm Tăng, không cầu Phật đạo. Hoặc có người được gặp Phật mà không tránh khỏi việc rơi vào ba đường dữ, như các vị Thiện Tịnh, Đề- bà đạt- đà, Cư-ca-ly, v.v...

Lại như người nghe danh hiệu Phật, phát tâm cầu đạo Vô Thượng, gặp nhân duyên xấu ác liền lui sụt xuống Thanh Văn và Bích-chi-Phật. Có những người tội lỗi, người lui sụt như thế.

Cho nên Ngài nguyện rằng: “Khi ta thành Phật, những người gặp được ta, đều mau chóng có đầy đủ báu lớn vô thượng”. Cho nên bài kệ chép: “Quán sức bốn nguyện Phật, vượt ra lỗi vô không, nên giúp chóng tròn đủ, biển báu lớn công đức”.

Nghĩa trụ trì như trên. Phần trên, quán sát về tám thứ công đức trang nghiêm của Phật đã xong.

Kế là quán sát sự thành tựu bốn thứ công đức trang nghiêm của các vị Đại Bồ-tát ở cõi An Lạc.

- Hỏi: Quán sát công đức trang nghiêm của Đức Như lai, còn có

chỗ thiếu sót hay sao mà phải quán sát công đức của Bồ-tát nữa?

- Đáp: Ví như có vị Vua sáng suốt thì có bề tôi hiền, lời khen vua nghiêm vua Thuấn, là vô vi nhằm để so sánh. Dù cho chỉ có vua pháp là Như lai mà không có bề tôi là Đại Bồ-tát để giúp đạo thì đâu đáng gọi là đầy đủ? Cũng như củi đống nhỏ thì lửa cháy không lớn.

Như kinh chép: “Cõi nước của Đức Phật A-di-đà, có vô lượng vô biên các vị Đại Bồ-tát như: Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, v.v... đều có một đời sống ở cõi khác, kế mới giúp cõi Phật. Nếu có người xưng niệm danh hiệu các Ngài, quy y, quán sát như phẩm Phổ Môn trong kinh pháp Hoa nói thì không có nguyện nào không đầy đủ. Nhưng, các vị Bồ-tát ưa thích công đức như biển gồm râu nước mọi dòng sông, không hề biết dừng đủ. Cũng như Đức Thích-ca Mâu-ni Như lai nghe một vị Tỳ-kheo mù than rằng: “Ai ưa thích công đức thì hãy xỏ kim giúp tôi”. Bấy giờ Đức Như lai xuất định đứng dậy, đi đến chỗ vị Tỳ-kheo mù bảo rằng: “Ta rất ưa thích phước đức” Ngài liền xỏ kim cho vị Tỳ-kheo mù. Lúc ấy, vị Tỳ-kheo mù không thấy ánh sáng, chỉ nghe tiếng Phật nói, vừa sợ sệt, vừa vui mừng, lần đến gần Phật bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Công đức của Đức Thế tôn chưa đủ hay sao?” Phật bảo: “Công đức của ta đã tròn đầy, không có chỗ nào không đủ, như thân của ta đây là từ các công đức sinh, biết ân phần công đức”, nên nói là ưa thích.

Như có người hỏi: Quán sát công đức của Phật, thật không có nguyện nào không đầy đủ, cho nên lại quán công đức của Bồ-tát là vì có các nghĩa như trên.

*Cõi An Lạc thanh tịnh  
Xe vô cấu thường xoay  
Phật Bồ-tát mặt trời  
An trụ như Tu-di*

Vì sao Phật khởi lên sự trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy có cõi Phật, chỉ có các vị Bồ-tát nhỏ thì không thể làm Phật sự trong các thế giới rộng lớn ở mười phương, hoặc chỉ là các Trời, Người, Thanh Văn với những lợi ích nhỏ hẹp.

Cho nên Ngài khởi nguyện: “Nguyện trong nước của ta, có vô lượng chúng Đại Bồ-tát, không lay động bốn xứ, đến khắp mười phương các thứ ứng hóa, tu hành như thật thường làm Phật sự”. Ví như mặt trời ở trên cao tỏa bóng hiện trên trăm sông, mặt trời đến đó hay không?

Như kinh Đại Tập chép: “Ví như có người khéo sửa sang các đường đê, lượng sức mình mà làm, đến khi nước chảy, sức lực của tâm không hề tăng”. Bồ-tát cũng như thế.

Trước nên tạo sự ứng hợp với tất cả Chư Phật và chúng sinh nên cúng dường, nên giáo hóa, làm các thứ đường đề ngăn dứt phiền não cho đến khi nhập Tam-muội, thân tâm không dao động, tu hành như thật, thường làm Phật sự. Như Phật tu hành: Là tuy thường tu hành nhưng thật rành không có sự tu hành.

Cho nên nói: “Cõi An Lạc thanh tịnh, xe vô cấu thường xoay, mặt trời Hoá Phật Bồ-tát, An trụ như Tu-di”.

*Ánh chẳng nhỏ trang nghiêm,  
Một niệm và một lúc  
Soi khắp hội Phật các  
Lợi ích các chúng sanh.*

Do đâu Phật khởi lên sự trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy có quyền thuộc của Đức Như lai, muốn cúng dường vô lượng Chư Phật ở phương khác. Hoặc muốn giáo hóa vô lượng chúng sinh, mất đây sinh kia, trước phía Nam sau phía Bắc, không thể dùng một niệm và một thời, phát ra ánh sáng chiếu khắp các thế giới trong mười phương để giáo hóa chúng sinh. Vì có tướng sinh ra mất đi, trước và sau.

Cho nên Ngài khởi nguyện: “Nguyện cho các vị Đại Bồ-tát ở cõi nước của ta, trong một khoảnh khắc đi khắp mười phương, làm các Phật sự. Cho nên nói: Ánh chẳng nhỏ trang nghiêm, một niệm và một lúc, chiếu sáng khắp hội Phật, lợi lạc đến muôn loài”.

- Hỏi: Chương trên nói thân không dao động mà đi khắp mười phương, không động mà đến, đâu chẳng phải là nghĩa một lúc hay sao? hay là khác với ở đâu?

- Đáp: Ở trên chỉ nói bất động mà đến, hoặc dung hợp mà có trước sau, ở đây nói không có trước, không có sau, đó là khác nhau, cũng là thành ý nghĩa bất động ở trên. Nếu chẳng một lúc thì là qua lại. Nếu có qua lại thì chẳng phải bất động, cho nên vì thành nghĩa bất động ở trên, nên phải quán một thời.

*Mưa hoa, áo, nhạc trời  
Hương diệu cúng dường thủy  
Khen công đức Chư Phật  
Không có tâm phân biệt.*

Vì sao Phật khởi lên sự trang nghiêm này?

Vì Ngài thấy có cõi Phật, có các trời, người và Bồ-tát, chí hướng không rộng lớn, chẳng thể bao gồm khắp cả các thế giới ở mười phương không cùng tận, để cúng dường Chư Phật, Như lai và Đại chúng. Hoặc

do cõi nước của mình vốn như đực, nên không dám đến cõi tịnh khác. Hoặc do chỗ ở thanh tịnh mà cõi nước thì thô lậu uestạp. Do các việc như thế mà có vô số sự phân chia, nên đối với các chỗ đực của Chư Phật, Như lai thì không thể nào cúng dường khắp hết, cũng như phát khởi gốc lành rộng lớn.

Cho nên Ngài nguyện: “Nguyện khi ta thành Phật, tất cả đại chúng Bồ-tát, Thanh Văn và các trời, người ở nước ta, khắp đến tất cả các pháp hội lớn của Chư Phật trong mười phương, thường rải tuôn nhạc trời, hoa trời, áo trời, hương trời như mưa, khéo dùng lời lẽ mẫu nhiệm cúng dường, ngợi khen công đức Chư Phật”. Mặc dù than thở về cõi như đực, nhưng lòng đại bi của Đức Như lai chịu đựng hết, không thấy cõi Phật có các tướng nghi7 bản lẫn lộn. Dù rằng khen ngợi cõi Tịnh độ, nhưng Đức Như lai vô lượng trang nghiêm không thấy cõi Phật có tướng thanh tịnh, vì sao? Vì các pháp đều bình đẳng, các Đức Như Lai bình đẳng nên chư Phật gọi là Đẳng giác. Nếu đối với cõi Phật khởi tâm hơn kém, thì dù có cúng dường Như Lai, thì đó cũng chẳng phải pháp cúng dường. Thế nên nói: “Mưa hoa, áo nhạc trời, cùng hương diệu cúng dường, khen công đức Chư Phật, lia các tâm phân biệt”

*“Những thế giới nào vô  
Báu Phật pháp công đức  
Con Nguyện vãng sinh đều  
Nêu pháp Phật như Phật”*

Vì sao Phật khởi lên nguyện này?

Bởi Ngài thấy có Bồ-tát tâm mê mông, chỉ thích tu hành ở cõi nước có Phật, không có tâm từ bi bền chắc.

Thế nên Ngài nguyện: “Nguyện khi ta thành Phật, các vị Bồ-tát ở cõi nước của ta, đều có tâm từ bi và chí nguyện mãnh mẽ. bền chắc, có thể rời bỏ cõi thanh tịnh đến những cõi khác không có Phật - pháp - Tăng để gìn giữ sự trang nghiêm của ba ngôi báu, chỉ bày như có Phật, giúp cho hạt giống Phật ở khắp mọi nơi đều không dứt mất”. Cho nên nói: Những thế giới nào vô Phật Pháp báu công đức báu, con nguyện đều vãng sinh nêu pháp Phật như Phật.

Trên đây là quán sát sự thành tựu bốn thứ công đức trang nghiêm của Bồ-tát đã xong.

Kế, bốn câu cuối là môn Hồi hướng.

*Con soạn luận nói kệ  
Nguyện thấy Phật Di đà  
Cùng khắp các chúng sanh,*

*Vãng sinh cõi An Lạc*

Bốn câu này là Luận chủ môn hồi hướng cũa. Hồi hướng là công đức của mình ban bố cho khắp chúng sinh, đều được thấy A- Di- Đà Như Lai, vãng sinh cõi An Lạc.

Chương cú Vô Lượng Thọ Tu Đa La. Con dùng kệ tụng nói chung đã xong.

- Hỏi: Trong chương hồi hướng của Bồ-tát Thiên Thân chép: “Cùng khắp các chúng sinh vãng sinh<sup>h</sup> cõi An Lạc”, ở đây chỉ cho cùng với chúng sinh nào?

- Đáp: Theo Đức Phật nói ở thành Vương xá kinh Vô Lượng Thọ, thì Phật bảo Tôn giả A-Nan: “Hằng hà sa chư Phật Như Lai trong mười phương, đều khen ngợi các công đức oai thần không thể suy nghĩ bàn luận luận của Đức Phật Vô Lượng Thọ”. Nếu có các chúng sinh nghe được danh hiệu của Ngài, sinh lòng tin hoan hỷ, dù chỉ trong một niệm mà dốc lòng hồi hướng, nguyện sinh về cõi ấy thì liền được vãng sinh, trụ giai vị không lui sụt, chỉ trừ năm tội nghịch lớn và chê bai chánh pháp. Nói theo đây, thì tất cả những ngoài đạo phàm phu đều được vãng sinh.

Lại như kinh Quán Vô Lượng Thọ nói có chín phẩm vãng sinh: Người sinh ở phẩm Hạ hạ: hoặc có chúng sinh gây ra những nghiệp bất thiện, như tội năm nghịch, mười điều ác đủ các thứ bất thiện. Những người ngu như thế do nghiệp ác phải bị đọa vào đường ác, trải qua nhiều kiếp chịu các khổ không cùng. Những người ngu ấy khi chết, gặp được Thiện tri thức an ủi, nói pháp hợp cơ cho họ nghe, dạy phải niệm Phật. Người này bị các khổ ép ngặt, không kịp niệm Phật. Thiện tri thức bảo: “Người nếu không thể niệm được thì phải xưng danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ, dốc lòng như vậy tiếng niệm không thể cho dứt, đầy đủ mười niệm”, xưng: “Nam mô A Di Đà Phật”. Nhờ xưng danh hiệu Phật trong mỗi niệm, nên dứt trừ được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Khi chết thấy được hoa sen vàng như vầng mặt trời xoay ở trước mặt người đó. Như chỉ trong khoảnh khắc một niệm liền được vãng sinh về thế giới Cực Lạc.

Ở trong hoa sen suốt mười hai đại kiếp thì hoa sen mới nở. Các ngài Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, dùng âm thanh đại bi nói rộng về thật tướng các pháp, cùng pháp trừ diệt tội lỗi heo người ấy nghe. Người ấy nghe rồi vui mừng nên ngay đó liền phát tâm bồ đề. Đó gọi là Hạ phẩm hạ sinh. Lấy kinh này để chứng minh thì biết phàm phu chỉ được sinh hạ phẩm, chỉ cần họ không chê bai chánh pháp, có nhân duyên tin Phật thì

đều được vãng sinh.

- Hỏi: Kinh Vô Lượng Thọ chép: Người nguyện vãng sinh đều được vãng sinh, chỉ trừ tội năm đại nghịch và tội chê bai chánh pháp. Kinh Quán Vô Lượng Thọ chép: “Người gây ra tội năm đại nghịch, mười điều ác, đủ các tội bất thiện cũng được vãng sinh”. Hai kinh này nên phải hiểu thế nào?

- Đáp: Một kinh thì nêu hai thứ tội nặng: Một là tội năm đại nghịch; hai là tội chê bai chánh pháp, do gây ra hai tội nặng này nên không được vãng sinh. Một kinh nữa thì cho là: Người gây tội năm đại nghịch, mười điều ác, không nói tới tội chê bai chánh pháp, do không chê bai chánh pháp cho nên được vãng sinh.

- Hỏi: Nếu có người gây ra đủ năm tội đại nghịch nhưng không chê bai chánh pháp, trong kinh nói là được vãng sinh. Lại có một người chỉ chê bai chánh pháp mà không gây ra tội năm nghịch, lại nguyện vãng sinh. Vậy người này có được vãng sinh hay không?

- Đáp: Chỉ tội chê bai chánh pháp, cho dù không gây ra các tội khác, chắc chắn cũng không được vãng sinh. Vì sao nói điều đó vì?

Trong kinh chép: Người phạm tội năm đại nghịch, đọa vào địa ngục lớn A tỳ, chịu đủ một kiếp tội nặng. Còn người chê bai chánh pháp đọa trong địa ngục lớn A Tỳ, nếu hết kiếp này, lại bị chuyển đến trong địa ngục lớn A Tỳ khác. Lần lượt như thế trải qua trăm ngàn địa ngục lớn A tỳ, cả Đức Phật cũng không nói về thời gian được ra khỏi. Vì tội chê bai chánh pháp là hết sức nặng nề.

Lại nữa, chánh pháp tức là Phật pháp. Những người ngu si này đã sinh lòng chê bai thì đâu có lý nào lại nguyện sinh về cõi Phật? Dù cho chỉ vì tham sinh về cõi An Lạc kia mà nguyện sinh thì cũng như tìm băng mà cho rằng không phải nước. Lửa mà không có khói thì đâu có việc ấy.

- Hỏi: Những hình tướng gọi là chê bai chánh pháp?

- Đáp: Như cho rằng không có Phật, không có pháp của Phật, không có Bồ-tát, không có pháp của Bồ-tát, những kiến thức như vậy, hoặc tự tâm mình nhận định hoặc lãnh hội từ người thì chắc chắn thứ kiến thức đó đều gọi là chê bai chánh pháp.

- Hỏi: Kể ra những việc như thế thì chỉ là việc của mình, đối với chúng sinh có gây ra những khổ não gì mà cho là nặng hơn năm tội nặng đại nghịch?

- Đáp: Nếu không có Chư Phật và Bồ-tát, nêu giảng về con đường lành của thế gian và xuất thế gian để giáo hóa chúng sinh thì làm sao

biết được nhân, lễ, nghĩa, trí, tín! Như thế thì tất cả pháp lành thế gian đều dứt, tất cả các bậc Hiền Thánh xuất thế gian đều diệt. Ông chỉ biết tội năm đại nghịch là nặng mà không biết tội năm đại nghịch ấy chính là từ chỗ không có chánh pháp mà sinh ra. Cho nên kẻ chê bai chánh pháp thì tội ấy là cực nặng.

- Hỏi: Kinh Nghiệp Đạo chép: Con đường tạo nghiệp như các cân, hễ nặng thì lôi kéo trước.

Như trong kinh Quán Vô Lượng Thọ chép: Có người gây ra năm tội đại nghịch, mười điều ác, đủ các nghiệp bất thiện thì, phải bị đọa vào đường ác, trải qua nhiều kiếp, chịu vô lượng khổ, khi chết gặp được Thiện tri thức dạy bảo, xưng niệm “Nam mô A di đà Phật” dốc lòng giúp cho âm thanh liên tục, như thế đủ mười niệm liền được vãng sinh về cõi Tịnh An Lạc, được vào cõi Chánh Định Đại Thừa, rốt ráo không hề lui sụt đối với ba đường ác và các sự khổ đều dứt hẳn. Vậy thì nghĩa kéo lôi nêu trước đó là lý như thế nào?

Lại do từ nhiều kiếp đến nay, gây ra đủ các pháp hành hữu lậu, bị trói buộc trong ba cõi, nhưng nhờ vào việc niệm danh hiệu Phật A di đà mười niệm, liền được ra khỏi ba cõi. Thế thì ý nghĩa của sự trói buộc bởi nghiệp là sao?

- Đáp: Các ông cho rằng tội năm đại nghịch, mười ác nghiệp trói buộc của chúng.vv... là nặng, cho người được sinh nơi Hạ hạ phẩm do mười niệm là nhẹ, nên bị chổ lôi kéo trước của tội nặng kia bị đọa vào địa ngục, bị trói buộc trong ba cõi. Nay nghĩa so sánh thì nghĩa nặng nhẹ là do tâm, do duyên, do sự quyết định chứ không do thời gian lâu hay mau, nhiều hay ít.

\* Thế nào là do tâm?

Người gây ra tội kia tự mình nương vào pháp luân đối diện đảo mà dấy khởi nhận thức sai lạc. Còn mười niệm này thì nương vào các vị Thiện tri thức dùng phương tiện an ủi, được nghe pháp thật tướng mà phát sinh. Một thật một dối, đâu được so sánh? Vì như ngàn năm ở trong ngôi nhà tối tăm, như có ánh sáng dần đến thì ngôi nhà này liền được sáng sửa quang đãng. cái tối tăm đâu được nói là mình đã ở trong căn nhà cả ngàn năm rồi nên không chịu đi? Đó gọi là do tâm.

\* Thế nào là do duyên?:

Người gây ra kia, tự nương vào tâm vọng tưởng, dựa vào quả báo đầy những phiền não lương dối của chúng sinh mà phát sinh. Còn mười niệm này thì nương vào lòng tín vô thượng, tựa vào danh hiệu công đức vô lượng, thanh tịnh chân thật, phương tiện trang nghiêm của a -di -đà



Như Lai. Ví như có người bị trúng mũi tên độc phạm đến cả gân, xương, nghe tiếng trống giục già về thứ thuốc thần diệt trừ thì mũi tên sâu độc kia liền được nhổ ra. Vậy có thể nói rằng mũi tên sâu độc ấy đã gắng nghe được hay không đó tiếng trống lại không thể nhổ mũi tên ra được? Đây gọi là do duyên.

\* Thế nào là do quyết định?:

Người gây ra kia đã nương vào tâm có sự phân biệt sau trước để phát sinh. Còn mười niệm này thì nương vào tâm không còn có sự phân biệt kia mà sinh. Đó gọi là quyết định.

So sánh ba nghĩa thì mười niệm là nặng. Nặng thì gây ra sự lôi kéo trước, nên sẽ ra khỏi ba cõi. Hai bộ kinh chỉ là diễn đạt một nghĩa mà thôi.

- Hỏi: Thời gian bao lâu gọi là một niệm?

- Đáp: Một trăm sinh diệt gọi là một sát na, sáu mươi sát na gọi là một niệm. Ở đây cho rằng niệm ấy đã không chọn lấy thời gian theo kiểu này. Chỉ nói là nhớ niệm Đức Phật a-di-đà, hoặc về tướng chung, hoặc là tướng riêng, tùy theo sự duyên hợp của đối tượng quán sát, tâm không hề duyên tướng vào đối tượng khác, mười niệm nối nhau gọi là Mười niệm, việc xưng danh hiệu cũng như thế.

- Hỏi: Nếu tâm duyên theo các đối tượng khác, phải gom nhiếp nó về thì có thể biết là bao nhiêu niệm. Vả đã biết được nhiều ít thì chẳng phải là không có khoảng giữa. Nếu dừng dứt tâm chuyên chú vào tướng, thì phải nương vào đâu để biết được là đã ghi nhớ được niệm nhiều hay ít?

- Đáp: Trong kinh nói mười niệm, là nói về sự thành hình của ng- hiệp, không cần biết về số lượng. Như nói con ve sâu không biết mùa Xuân mùa Thu, thế thì con sâu ấy đâu biết về thời tiết của mặt trời? Biết là nói về điều đó. Mười niệm được tạo thành cũng là sự hợp chung với thần lực mà nói điều đó. Vậy chỉ chứa niệm nối tiếp, không cho duyên theo việc khác, điều ấy có thể làm được, đâu muốn phải biết về số lượng của niệm. Nếu cần biết thì cũng phải có phương tiện, nên dùng miệng để truyền trao, không được dùng bút để diễn đạt.

Chú giải bài kệ nguyện sinh của kinh Vô Lượng Thọ Ưu-ba-đề-xá.

